

DANH SÁCH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Kèm theo Đề án số 14-ĐA/TU, ngày 09/06/2025 của Tỉnh uỷ Lai Châu)

TT	Tên chi bộ, đảng bộ	Số lượng đảng bộ xã, phường, thị trấn	Số chi bộ trực thuộc	Tổng số đảng viên	Thôn bản, tổ dân phố		Trường học		Trạm y tế (Phòng khám KV)		Công an		Quân sự		Khác		Ghi chú
					Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	
TỔNG TOÀN TỈNH		106	1,577	22,744	956	14,091	304	6,549	104	547	106	935	106	617	1	5	
ĐẢNG BỘ HUYỆN THAN UYÊN		12	202	2905	131	1804	35	864	12	64	12	113	12	60			
1	Đảng bộ Thị trấn	1	16	494	10	347	3	115	1	8	1	15	1	9			
2	Đảng bộ xã Mường Kim	1	25	338	19	199	3	118	1	5	1	10	1	6			
3	Đảng bộ xã Tà Mung	1	17	191	11	100	3	70	1	7	1	9	1	5			
4	Đảng bộ xã Mường Than	1	18	301	12	180	3	101	1	4	1	10	1	6			
5	Đảng bộ xã Phúc Than	1	24	303	18	179	3	105	1	6	1	10	1	3			
6	Đảng bộ xã Mường Cang	1	19	274	13	178	3	75	1	7	1	10	1	4			
7	Đảng bộ xã Hua Nà	1	12	164	6	95	3	51	1	6	1	8	1	4			
8	Đảng bộ xã Mường Mít	1	12	150	6	98	3	36	1	3	1	8	1	5			
9	Đảng bộ xã Pha Mu	1	10	88	5	48	2	22	1	4	1	8	1	6			
10	Đảng bộ xã Tà Hừa	1	14	168	8	108	3	42	1	6	1	8	1	4			
11	Đảng bộ xã Ta Gia	1	18	205	12	121	3	69	1	3	1	8	1	4			
12	Đảng bộ xã Khoen On	1	17	229	11	151	3	60	1	5	1	9	1	4			
ĐẢNG BỘ HUYỆN TÂN UYÊN		10	155	2,515	93	1,569	32	749	10	44	10	89	10	64			
1	Đảng bộ Thị trấn Tân Uyên	1	28	605	19	382	6	198	1	5	1	13	1	7			
2	Đảng bộ xã Mường Khoa	1	15	250	9	141	3	88	1	4	1	8	1	9			
3	Đảng bộ xã Phúc Khoa	1	12	184	6	109	3	58	1	3	1	9	1	5			
4	Đảng bộ xã Nậm Cắn	1	12	176	6	116	3	41	1	4	1	8	1	7			
5	Đảng bộ xã Nậm Sỏ	1	22	274	16	183	3	70	1	5	1	10	1	6			
6	Đảng bộ xã Thân Thuộc	1	11	200	5	130	3	52	1	4	1	8	1	6			
7	Đảng bộ xã Trung Đồng	1	20	338	14	226	3	90	1	5	1	9	1	8			
8	Đảng bộ xã Pắc Ta	1	15	278	9	183	3	75	1	6	1	10	1	4			
9	Đảng bộ xã Hố Mít	1	12	120	6	50	3	53	1	4	1	8	1	5			
10	Đảng bộ xã Tà Mít	1	8	90	3	49	2	24	1	4	1	6	1	7			

TT	Tên chi bộ, đảng bộ	Số lượng đảng bộ xã, phường, thị trấn	Số chi bộ trực thuộc	Tổng số đảng viên	Thôn bản, tổ dân phố		Trường học		Trạm y tế (Phòng khám KV)		Công an		Quân sự		Khác		Ghi chú
					Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	
ĐẢNG BỘ HUYỆN TAM ĐƯỜNG		13	200	2,375	126	1,373	34	751	13	63	13	106	13	77	1	5	
1	Đảng bộ Thị trấn Tam Đường	1	19	293	13	182	3	88	1	5	1	12	1	6			
2	Đảng bộ xã Tả Lềng	1	15	187	9	105	3	64	1	6	1	7	1	5			
3	Đảng bộ xã Thèn Sìn	1	14	153	8	84	3	46	1	6	1	10	1	7			
4	Đảng bộ xã Nùng Nàng	1	12	183	7	103	2	64	1	5	1	6	1	5			
5	Đảng bộ xã Bản Hon	1	13	197	8	135	2	43	1	4	1	8	1	7			
6	Đảng bộ xã Bản Giang	1	13	171	7	88	3	63	1	5	1	8	1	7			
7	Đảng bộ xã Giang Ma	1	15	158	9	80	3	62	1	4	1	6	1	6			
8	Đảng bộ xã Hồ Thầu	1	13	137	8	83	2	36	1	4	1	7	1	7			
9	Đảng bộ xã Bình Lư	1	21	217	15	135	3	63	1	5	1	9	1	5			
10	Đảng bộ xã Sơn Bình	1	12	116	7	43	2	53	1	5	1	10	1	5			
11	Đảng bộ xã Bản Bo	1	19	202	13	130	3	57	1	5	1	6	1	4			
12	Đảng bộ xã Khun Há	1	21	185	14	95	3	71	1	3	1	7	1	4	1	5	
13	Đảng bộ xã Nà Tăm	1	13	176	8	110	2	41	1	6	1	10	1	9			
ĐẢNG BỘ TP LAI CHÂU		7	121	2,871	72	1,962	28	745	7	33	7	91	7	40			
1	Đảng bộ Phường Đoàn Kết	1	21	662	13	469	5	169	1	5	1	15	1	4			
2	Đảng Bộ Phường Tân Phong	1	24	821	15	613	6	182	1	7	1	15	1	4			
3	Đảng bộ Phường Đông Phong	1	15	414	8	284	4	102	1	5	1	15	1	8			
4	Đảng bộ Phường Quyết Thắng	1	12	134	6	72	3	42	1	4	1	11	1	5			
5	Đảng bộ Phường Quyết Tiến	1	14	357	8	254	3	78	1	3	1	12	1	10			
6	Đảng bộ xã Sùng Phái	1	20	242	13	128	4	94	1	4	1	11	1	5			
7	Đảng bộ xã San Thàng	1	15	241	9	142	3	78	1	5	1	12	1	4			
ĐẢNG BỘ HUYỆN PHONG THỎ		17	267	3,157	170	1,846	48	983	15	84	17	153	17	91			
1	Đảng bộ Thị trấn	1	13	270	7	162	3	87	1	6	1	10	1	5			
2	Đảng bộ xã Mường So	1	16	344	11	249	3	79			1	10	1	6			
3	Đảng bộ xã Hoang Thèn	1	15	165	9	90	3	56	1	5	1	8	1	6			
4	Đảng bộ xã Không Lào	1	16	224	10	159	3	47	1	5	1	8	1	5			
5	Đảng bộ xã Bản Lang	1	19	277	13	157	3	96	1	7	1	10	1	7			
6	Đảng bộ xã Ma Ly Pho	1	15	204	9	136	3	50	1	4	1	8	1	6			
7	Đảng bộ xã Nậm Xe	1	23	256	17	149	3	84	1	6	1	10	1	7			
8	Đảng bộ xã Đào San	1	18	182	13	101	3	66			1	10	1	5			
9	Đảng bộ xã Vàng Ma Chải	1	13	109	7	52	3	37	1	8	1	7	1	5			

TT	Tên chi bộ, đảng bộ	Số lượng đảng bộ xã, phường, thị trấn	Số chi bộ trực thuộc	Tổng số đảng viên	Thôn bản, tổ dân phố		Trường học		Trạm y tế (Phòng khám KV)		Công an		Quân sự		Khác		Ghi chú
					Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	
10	Đảng bộ xã Si Lờ Lầu	1	16	158	10	84	3	54	1	6	1	10	1	4			
11	Đảng bộ xã Sin Súi Hồ	1	16	162	10	77	3	64	1	5	1	10	1	6			
12	Đảng bộ xã Pa Vây Sừ	1	11	89	6	43	2	30	1	4	1	9	1	3			
13	Đảng bộ xã Tung Qua Lìn	1	10	101	5	49	2	37	1	4	1	8	1	3			
14	Đảng bộ xã Mồ Si San	1	9	91	4	41	2	30	1	7	1	8	1	5			
15	Đảng bộ xã Mù Sang	1	16	126	10	65	3	41	1	6	1	9	1	5			
16	Đảng bộ xã Lán Nhì Thàng	1	14	156	8	82	3	56	1	5	1	8	1	5			
17	Đảng bộ xã Huổi Luông	1	27	243	21	150	3	69	1	6	1	10	1	8			
ĐẢNG BỘ HUYỆN SÍN HỒ		22	314	3,790	185	2,327	63	1,035	22	125	22	172	22	131			
1	Đảng bộ xã Chăn Nưa	1	12	191	6	124	3	48	1	5	1	9	1	5			
2	Đảng bộ xã Làng Mò	1	13	177	7	110	3	52	1	3	1	7	1	5			
3	Đảng bộ xã Tủa Sín Chải	1	17	159	11	104	3	42	1	4	1	4	1	5			
4	Đảng bộ xã Tả Ngảo	1	19	149	13	74	3	52	1	7	1	11	1	5			
5	Đảng bộ xã Sà Dề Phìn	1	9	112	4	60	2	33	1	8	1	6	1	5			
6	Đảng bộ Thị trấn	1	13	226	7	130	3	70	1	6	1	12	1	8			
7	Đảng bộ xã Tả Phìn	1	15	112	9	53	3	42	1	4	1	8	1	5			
8	Đảng bộ xã Phăng Xô Lin	1	13	131	7	58	3	53	1	8	1	7	1	5			
9	Đảng bộ xã Hồng Thu	1	17	166	11	105	3	43	1	5	1	8	1	5			
10	Đảng bộ xã Phìn Hồ	1	13	122	7	64	3	40	1	5	1	7	1	6			
11	Đảng bộ xã Pa Tần	1	20	192	14	100	3	71	1	9	1	7	1	5			
12	Đảng bộ xã Ma Quai	1	15	174	9	102	3	51	1	6	1	8	1	7			
13	Đảng bộ xã Lũng Thàng	1	15	135	9	76	3	42	1	4	1	8	1	5			
14	Đảng bộ xã Nậm Tăm	1	16	255	10	189	3	43	1	4	1	9	1	10			
15	Đảng bộ xã Nậm Cha	1	13	186	7	127	3	39	1	7	1	7	1	6			
16	Đảng bộ xã Pa Khoá	1	11	145	5	92	3	33	1	4	1	8	1	8			
17	Đảng bộ xã Pu Sam Cáp	1	9	83	4	38	2	25	1	7	1	9	1	4			
18	Đảng bộ xã Noong Hẻo	1	16	267	10	194	3	55	1	6	1	8	1	4			
19	Đảng bộ xã Cấn Co	1	13	180	7	110	3	52	1	8	1	4	1	6			
20	Đảng bộ xã Nậm Cuối	1	15	227	9	148	3	57	1	6	1	9	1	7			
21	Đảng bộ xã Nậm Hăn	1	21	266	15	184	3	64	1	4	1	8	1	6			
22	Đảng bộ xã Nậm Mạ	1	9	135	4	85	2	28	1	5	1	8	1	9			

TT	Tên chi bộ, đảng bộ	Số lượng đảng bộ xã, phường, thị trấn	Số chi bộ trực thuộc	Tổng số đảng viên	Thôn bản, tổ dân phố		Trường học		Trạm y tế (Phòng khám KV)		Công an		Quân sự		Khác		Ghi chú
					Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	Số lượng	Số lượng đảng viên	
ĐẢNG BỘ HUYỆN NẬM NHÙN		11	130	1,626	69	923	28	507	11	43	11	86	11	67			
1	Đảng bộ xã Nậm Pì	1	15	129	9	63	3	52	1	3	1	5	1	6			
2	Đảng bộ xã Pú Dao	1	9	93	4	44	2	35	1	3	1	7	1	4			
3	Đảng bộ xã Lê Lợi	1	10	147	5	98	2	34	1	4	1	6	1	5			
4	Đảng bộ xã Trung Chải	1	11	91	6	37	2	35	1	4	1	10	1	5			
5	Đảng bộ xã Nậm Ban	1	11	116	6	50	2	45	1	6	1	10	1	5			
6	Đảng bộ xã Hua Bum	1	11	135	6	69	2	43	1	7	1	7	1	9			
7	Đảng bộ xã Mường Mô	1	14	263	8	186	3	56	1	4	1	8	1	9			
8	Đảng bộ xã Nậm Chà	1	13	173	7	111	3	47	1	3	1	7	1	5			
9	Đảng bộ xã Nậm Manh	1	11	124	5	61	3	45	1	3	1	8	1	7			
10	Đảng bộ xã Nậm Hàng	1	14	209	8	124	3	67	1	3	1	8	1	7			
11	Đảng bộ thị trấn Nậm Nhùn	1	11	146	5	80	3	48	1	3	1	10	1	5			
ĐẢNG BỘ HUYỆN MUỜNG TÈ		14	188	3,505	110	2,287	36	915	14	91	14	125	14	87			
1	Đảng bộ xã Bum Nưa	1	12	254	7	179	2	58	1	5	1	8	1	4			
2	Đảng bộ xã Mường Tè	1	13	391	7	300	3	70	1	9	1	7	1	5			
3	Đảng bộ xã Vàng San	1	11	238	6	150	2	69	1	6	1	8	1	5			
4	Đảng bộ xã Pa Vệ Sủ	1	18	213	12	103	3	86	1	4	1	10	1	10			
5	Đảng bộ Thị Trấn Mường Tè	1	15	453	9	322	3	104	1	8	1	14	1	5			
6	Đảng bộ xã Bum Tở	1	12	188	7	99	2	70	1	7	1	7	1	5			
7	Đảng bộ xã Kan Hồ	1	10	161	5	100	2	38	1	9	1	8	1	6			
8	Đảng bộ xã Nậm Khao	1	9	167	4	114	2	35	1	5	1	8	1	5			
9	Đảng bộ xã Tà Tổng	1	17	221	11	111	3	87	1	6	1	12	1	5			
10	Đảng bộ xã Pa Ủ	1	17	211	11	99	3	89	1	5	1	9	1	9			
11	Đảng bộ xã Mù Cả	1	14	304	8	224	3	61	1	7	1	7	1	5			
12	Đảng bộ xã Tá Bạ	1	11	157	6	90	2	48	1	4	1	8	1	7			
13	Đảng bộ xã Ka Lăng	1	14	313	8	231	3	55	1	11	1	10	1	6			
14	Đảng bộ xã Thu Lũm	1	15	234	9	165	3	45	1	5	1	9	1	10			